

Số: 29 /2018/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 11 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt cơ chế, chính sách hỗ trợ Dự án xây dựng
nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp)
của Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt cơ chế, chính sách hỗ trợ Dự án xây dựng nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) của Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt cơ chế, chính sách hỗ trợ Dự án xây dựng nhà máy xử lý triệt để rác thải sinh hoạt (không chôn lấp) của Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ xây dựng và mua sắm thiết bị: 3.000 triệu đồng (định mức hỗ trợ 500 triệu đồng/xã) đối với 06 xã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép mở rộng phạm vi xử lý rác thải sinh hoạt.

2. Hỗ trợ chi phí xử lý rác thải sinh hoạt:

a) Hỗ trợ chi phí xử lý rác thải sinh hoạt (trừ chi phí xử lý rác thải phát sinh từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) trên cơ sở tính theo đơn giá được



Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (sau khi trừ đi chi phí khấu hao phần kinh phí hỗ trợ xây dựng và mua sắm thiết bị) là 214.291 đồng/tấn (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) và khối lượng rác thải sinh hoạt thực tế được xử lý. Đơn giá này được điều chỉnh khi có biến động và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

b) Khối lượng rác thải sinh hoạt thực tế được xử lý để tính hỗ trợ phải được chính quyền các xã, thị trấn xác nhận, có sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ theo định kỳ hoặc đột xuất, nhưng không quá công suất thiết kế của nhà máy sau khi trừ đi phần công suất dùng để xử lý rác thải sinh hoạt của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà Nhà đầu tư có hợp đồng xử lý riêng và mức rác thải sinh hoạt bình quân chung thực tế đã phát sinh 0,435kg/người/ngày.

c) Không áp dụng chính sách hỗ trợ kinh phí xử lý rác thải sinh hoạt được phê duyệt tại Tiết b, Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với các xã, thị trấn thuộc phạm vi xử lý rác thải sinh hoạt của dự án.

3. Đối với chi phí thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đến nhà máy: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong phạm vi xử lý rác thải sinh hoạt của dự án, các đơn vị có liên quan và Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt thực hiện theo quy định của pháp luật và được các sở, ngành chức năng thẩm định.

4. Điều kiện, phương thức hỗ trợ: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Công ty Cổ phần thương mại Thành Đạt thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh.

6. Thời gian áp dụng:

a) Đối với khối lượng rác thải sinh hoạt thực tế đã được xử lý (trừ lượng rác phát sinh từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) của 10 xã ban đầu và đối với 06 xã mới bổ sung vào dự án thuộc huyện Quỳnh Phụ nhưng chưa được hỗ trợ theo các quy định của tỉnh thì được hỗ trợ chi phí xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Khối lượng rác thải sinh hoạt theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này chưa được xử lý thì được hỗ trợ từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.



Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình, Báo Thái Bình;
- Lưu: VTVP.

Chức

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Diên

Nguyễn Hồng Diên

